VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch

(Tiếp theo Công báo số 479 + 480)

Phụ lục VI
ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP CHO QUY HOẠCH NGÀNH QUỐC GIA
(Kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

VI-4.4. QUY HOẠCH THĂM DÒ, KHAI THÁC, CHẾ BIẾN VÀ SỬ DỤNG CÁC LOẠI KHOÁNG SẢN[4]

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin, dữ liệu ban đầu**	CG1, CG2, CG3, CG4	30
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch**		
a	Xây dựng các yêu cầu về nội dung lập nhiệm vụ quy hoạch		
a.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG2, CG3	16
a.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	27
a.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	33

[4] Áp dụng đối với các quy hoạch (i) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ; (ii) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; (iii) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
a.4	Nội dung chính của quy hoạch và nội dung đề xuất	CG1, CG2, CG3, CG4	40
a.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2, CG3	8
a.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	4
b	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG2, CG3, CG4	15
c	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	20
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG1, CG2, CG3, CG4	8
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG2	10
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Thu thập và xử lý tài liệu, số liệu		
a.1	Thu thập tài liệu, số liệu ban đầu		
a.1.1	Xây dựng khung yêu cầu chung về điều tra tổng thể	CG2, CG3, CG4	20
a.1.2	Xây dựng hệ thống biểu mẫu bảng hỏi điều tra	CG2, CG3, CG4	50
a.2	Điều tra, khảo sát thu thập thông tin trực tiếp của ngành	CG2, CG3, CG4	60
a.3	Điều tra, khảo sát, thu thập cơ sở dữ liệu về cơ chế chính sách phát triển ngành	CG2, CG3, CG4	20
b	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, dữ liệu về nhóm khoáng sản		
b.1	Xử lý, tổng hợp số liệu, dữ liệu (phân nhóm số liệu, dữ liệu)	CG2, CG3, CG4	30

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.2	Thu thập và xử lý thông tin bên ngoài, cấp trên tác động đến ngành	CG2, CG3, CG4	30
b.3	Thu thập thông tin, đánh giá bối cảnh và các yếu tố không gian tác động trực tiếp có tác động chủ yếu đến ngành: Kết nối giao thông, kết nối lưu vực sông, kết nối các hành lang kinh tế	CG2, CG3, CG4	25
b.4	Thu thập thông tin, đánh giá bối cảnh và các yếu tố về điều ước quốc tế, thể chế, chính sách, thị trường tác động đến quá trình phát triển của ngành.	CG2, CG3, CG4	25
b.5	Thu thập thông tin, đánh giá các yếu tố chủ yếu về biến đổi khí hậu tác động đến ngành	CG2, CG3, CG4	30
c	Kiểm chứng, đánh giá mức độ tin cậy của nguồn thông tin		
c.1	Thu thập tài liệu, số liệu bổ sung		
c.1.1	Điều tra, khảo sát, thu thập cơ sở dữ liệu về cơ chế chính sách phát triển ngành	CG2, CG3, CG4	45
c.1.2	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, dữ liệu về nhóm khoáng sản	CG2, CG3, CG4	45
c.1.3	Xử lý, tổng hợp số liệu, dữ liệu (phân nhóm số liệu, dữ liệu)	CG2, CG3, CG4	20
c.2	Xử lý, tổng hợp tài liệu, số liệu		
c.2.1	Xử lý thông tin về hiện trạng dân số, lao động - việc làm	CG2, CG3, CG4	15
c.2.2	Xử lý thông tin về hiện trạng môi trường	CG2, CG3, CG4	15
c.2.3	Xử lý thông tin về hiện trạng về kinh tế	CG2, CG3, CG4	15
c.2.4	Xử lý thông tin về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật	CG2, CG3, CG4	20
c.2.5	Xử lý thông tin về hiện trạng hạ tầng xã hội	CG2, CG3, CG4	15

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
2	**Đánh giá tác động của việc thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, đa dạng sinh học, cảnh quan, dịch vụ hệ sinh thái**		
a	Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội;		
a.1	Đánh giá tác động của hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản đối với tình hình phát triển của ngành công nghiệp	CG2, CG3, CG4	49
a.2	Đánh giá tác động đối với thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản đối với tình hình phát triển của ngành xây dựng	CG2, CG3, CG4	49
a.3	Đánh giá tác động hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản đối với tình hình phát triển những ngành kinh tế khác (thương mại, du lịch và nông nghiệp)	CG2, CG3, CG4	49
a.4	Đánh giá tác động hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản đối với tình hình phát triển các ngành kết cấu hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước)	CG2, CG3, CG4	49
b	Tác động của việc khai thác, sử dụng các loại khoáng sản đến nguồn tài nguyên thiên nhiên khác;	CG1, CG2, CG3, CG4	88
c	Tác động đến môi trường, đa dạng sinh học, cảnh quan, dịch vụ hệ sinh thái		
c.1	Tác động đến môi trường không khí, môi trường nước, cảnh quan, sinh thái;	CG2, CG3, CG4	49
c.2	Tác động đến đa dạng sinh học	CG2, CG3, CG4	49
c.3	Tác động đến cảnh quan và dịch vụ hệ sinh thái;	CG2, CG3, CG4	49
d	Tác động của các sự cố môi trường do thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản đối với phát triển kinh tế - xã hội, sức khỏe người lao động và cộng đồng dân cư nơi có hoạt động khai thác.	CG1, CG2, CG3, CG4	98

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
3	**Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và các quy hoạch có liên quan đến khai thác, sử dụng các loại khoáng sản**		
a	Phân tích, đánh giá tác động của các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch liên quan đến hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản;	CG1, CG2, CG3, CG4	98
b	Đánh giá thực trạng đầu tư, khoa học và công nghệ, lao động và các nguồn lực phát triển khác trong lĩnh vực thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản.	CG1, CG2, CG3, CG4	98
4	**Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc bảo vệ, khai thác, sử dụng khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ tác động tới hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản		
a.1	Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ trong thăm dò, khai thác, tuyển chọn, chế biến khoáng sản nhiên liệu	CG1, CG2, CG3, CG4	71
a.2	Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ trong thăm dò, khai thác, tuyển chọn, chế biến khoáng chất công nghiệp	CG1, CG2, CG3, CG4	71
a.3	Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ trong thăm dò, khai thác, tuyển chọn, chế biến khoáng sản vật liệu xây dựng	CG1, CG2, CG3, CG4	71
a.4	Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ trong thăm dò, khai thác, tuyển chọn, chế biến khoáng sản phóng xạ	CG1, CG2, CG3, CG4	71
b	Tác động của phát triển kinh tế - xã hội tới nhận thức của cộng đồng về bảo vệ và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản.		
b.1	Dự báo bối cảnh kinh tế xã hội trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	73

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.2	Dự báo xu thế phát triển của ngành công nghiệp gắn với thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	73
b.3	Dự báo xu thế phát triển ngành xây dựng gắn với thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	73
b.4	Dự báo nhu cầu phát triển của cơ sở hạ tầng phục vụ thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	73
b.5	Dự báo nhu cầu về dất đai, vốn đầu tư và nhân lực	CG1, CG2, CG3, CG4	73
b.6	Dự báo những tác động của hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản đối với bảo vệ môi trường	CG1, CG2, CG3, CG4	73
b.7	Dự báo những tác động của hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản đối với môi trường sống của cộng đồng dân cư	CG1, CG2, CG3, CG4	73
5	**Quan điểm, mục tiêu thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch**		
a	Quan điểm về thăm dò, khai thác, sử dụng bền vững các khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường	CG1, CG2, CG3, CG4	89
b	Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng từng loại khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	60
6	**Xác định khu vực cấm, khu vực hạn chế, khu vực khuyến khích thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản**		
a	Tổng hợp và khoanh định trên bản đồ các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;	CG1, CG2, CG3, CG4	80
b	Tổng hợp và khoanh định trên bản đồ các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;	CG1, CG2, CG3, CG4	80

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Xác định khu vực thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản; xác định tài nguyên khoáng sản huy động trong kỳ quy hoạch, bao gồm quy mô công suất khai thác, định hướng mục tiêu sản phẩm chế biến và sử dụng, yêu cầu về công nghệ khai thác, chế biến đối với từng loại khoáng sản cụ thể	CG1, CG2, CG3, CG4	60
d	Đối với quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng cần đầu tư thăm dò, khai thác và tiến độ thăm dò, khai thác.	CG1, CG2, CG3, CG4	65
7	**Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong hoạt đông khoáng sản**		
a	Dự báo và đề xuất biện pháp ngăn ngừa các nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường, những tác động tiêu cực lên khu vực cộng đồng dân cư do hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản gây ra	CG1, CG2, CG3, CG4	150
b	Đề xuất các biện pháp phục hồi môi trường trong và sau khi khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	80
c	Đề xuất các biện pháp áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản và giảm thiểu tác động tiêu cực của việc thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	80
8	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về pháp luật, chính sách	CG1, CG2, CG3, CG4	90
b	Giải pháp về tài chính, đầu tư	CG1, CG2, CG3, CG4	80
c	Giải pháp khoa học, công nghệ, môi trường	CG1, CG2, CG3, CG4	68

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
d	Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức	CG1, CG2, CG3, CG4	62
đ	Giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực;	CG1, CG2, CG3, CG4	80
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1, CG2, CG3, CG4	80
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	82
9	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2, CG3, CG4	200
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2, CG3, CG4	65
10	**Xây dựng hệ thống bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Bản đồ khoanh định khu vực hoạt động khoáng sản, khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	180
b.2	Bản đồ khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng cần đầu tư thăm dò, khai thác.	CG1, CG2, CG3, CG4	200

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.3	Bản đồ chi tiết các khu vực trọng điểm về thăm dò, khai thác, chế biết và sử dụng khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	90
11	**Chỉnh sửa, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Chỉnh sửa, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	55
b	Chỉnh sửa, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	50
c	Chỉnh sửa, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	35
12	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	150

VI-4.5. QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch lâm nghiệp**	CG1, CG2, CG3, CG4	90
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch lâm nghiệp**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	120
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2	7

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2	18
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	16
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và nội dung đề xuất	CG1, CG2, CG3	90
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2	5
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	10
c	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	12
d	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	10
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG2, CG3, CG4	12
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG2, CG3	5
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch	CG3, CG4	120
b	Tổng hợp đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được	CG2, CG3	45
c	Khảo sát sơ bộ, đánh giá kiểm chứng thông tin	CG2, CG3	250
d	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	CG2, CG3	120
2	**Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều tra, khảo sát, thăm dò hiện trạng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng**		
a	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên	CG1, CG2, CG3	190
b	Hiện trạng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	CG2, CG3	150

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
3	**Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên rừng, kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái, phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**		
a	Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên rừng	CG1, CG2, CG3	150
b	Đánh giá kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh	CG1, CG2, CG3	180
c	Đánh giá môi trường, đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái, phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1, CG2, CG3	250
4	**Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến khai thác sử dụng tài nguyên rừng, bảo vệ môi trường quốc gia và các quy hoạch có liên quan**		
a	Phân tích, đánh giá tác động của các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	CG1, CG2, CG3	120
b	Phân tích, đánh giá các quy hoạch liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên rừng	CG1, CG2, CG3	90
c	Đánh giá thực trạng đầu tư, khoa học và công nghệ, nguồn nhân lực và các nguồn lực phát triển khác trong lĩnh vực nông nghiệp	CG1, CG2, CG3	90
5	**Dự báo tiến bộ khoa học và công nghệ, sự phát triển kinh tế - xã hội tác động tới ngành lâm nghiệp**		
a	Dự báo tiến bộ của khoa học công nghệ trong hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	CG1, CG2	120
b	Tác động của phát triển kinh tế - xã hội tới nhận thức của cộng đồng về bảo vệ, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng	CG1, CG2	120

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Tác động của thị trường, tác động của biến đổi khí hậu, tác động của đô thị hóa đến ngành lâm nghiệp trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	120
6	**Quan điểm và mục tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên rừng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội**		
a	Xác định các quan điểm quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, sử dụng tài nguyên rừng, phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp xét về hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái, phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1, CG2	90
b	Xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, các chỉ tiêu phát triển lâm nghiệp trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	90
7	**Định hướng phát triển lâm nghiệp**		
a	Định hướng phân vùng sinh thái lâm nghiệp; xác định các khu vực có nguy cơ mất rừng và suy thoái rừng, khu vực phòng hộ theo các lưu vực sông lớn và hồ đập	CG1, CG2	150
b	Định hướng phát triển bền vững hệ thống rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, lâm sản ngoài gỗ	CG1, CG2	150
c	Định hướng phát triển rừng sản xuất, hệ thống giống cây rừng, khoanh nuôi và phục hồi rừng, trồng và khai thác rừng	CG1, CG2	150
d	Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp	CG1, CG2	120
đ	Định hướng sử dụng đất cho phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất và hạ tầng lâm nghiệp	CG1, CG2	200
8	**Xây dựng hệ thống bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Bản đồ hiện trạng rừng	CG2, CG3	130
b.2	Bản đồ hiện trạng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp	CG2, CG3	90
b.3	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cho phát triển lâm nghiệp	CG2, CG3	90
b.4	Bản đồ quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất	CG1, CG2, CG3	300
b.5	Bản đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp	CG1, CG2, CG3	95
b.6	Bản đồ định hướng sử dụng đất cho phát triển lâm nghiệp	CG1, CG2, CG3	95
b.7	Bản đồ quy hoạch rừng đặc dụng	CG1, CG2, CG3	120
9	**Xây dựng danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư phát triển lâm nghiệp**		
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư phát triển lâm nghiệp trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	60
b	Luận chứng xây dựng dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành lâm nghiệp; đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư	CG1, CG2, CG3, CG4	95
c	Xử lý tổng hợp danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư phát triển lâm nghiệp và thứ tự ưu tiên thực hiện	CG1, CG2, CG3, CG4	15
10	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1, CG2	90

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Giải pháp về tài chính, đầu tư	CG1, CG2	90
c	Giải pháp về khoa học và công nghệ	CG1, CG2	90
d	Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận	CG1, CG2	90
đ	Giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực	CG1, CG2	90
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1, CG2	90
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2	90
11	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	280
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
12	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	45
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	45
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	30
13	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG2, CG3	50
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG2, CG3	100

Ghi chú:

Định mức Quy hoạch lâm nghiệp tại Thông tư này không bao gồm công tác điều tra, khảo sát ngoại nghiệp nhằm thu thập thông tin cơ bản về tài nguyên rừng và đa dạng sinh học của rừng; quản lý, bảo vệ rừng, khai thác, chế biến và thương mại lâm sản, sử dụng đất, ...; không bao gồm nội dung tính toán, thiết kế các mô hình (mô hình toán, mô hình vật lý) liên quan đến thủy văn, khí hậu, cung - cầu thị trường lâm sản, viễn thám và GIS nhằm phục vụ tính toán, đề xuất giải pháp quy hoạch.

VI-4.6. QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC NGUỒN LỢI THỦY SẢN

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch khai thác nguồn lợi thủy sản**	CG1, CG2, CG3, CG4	45
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch khai thác nguồn lợi thủy sản**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	110
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2	7
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2	20
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	17
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và nội dung đề xuất	CG1, CG2, CG3	90
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2	6
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	10
c	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2	15
d	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2	12
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG2, CG3, CG4	12
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG2	5
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan	CG2, CG3, CG4	150
b	Tổng hợp đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được	CG2, CG3	30

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung	CG2, CG3	250
d	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	CG2, CG3	120
2	**Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kết quả điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản; hiện trạng quản lý, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản**		
a	Hiện trạng kết quả điều tra, khảo sát; trữ lượng, phân bố và khả năng khai thác nguồn lợi thủy sản; hiện trạng các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các loài thủy sản đã được lưu trữ giống, gien và đã sản xuất được giống thương phẩm	CG2, CG3	300
b	Hiện trạng sản xuất, khai thác thủy sản, gồm phương tiện, sản lượng khai thác thủy sản, tốc độ tăng trưởng giá trị khai thác thủy sản, cơ sở hạ tầng dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản xa bờ	CG2, CG3	150
c	Hệ thống tổ chức quản lý khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	CG2, CG3	90
3	**Đánh giá tác động của việc bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, đa dạng sinh học và các hệ sinh thái, các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác**		
a	Đánh giá tác động của việc bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh	CG2, CG3	180
b	Đánh giá tác động của việc bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản đến môi trường, đa dạng sinh học và các hệ sinh thái, các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác	CG2, CG3	180
4	**Phân tích, đánh giá tác động của chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và các quy hoạch có liên quan đến bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản**	CG1, CG2	120

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
5	**Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản**		
a	Dự báo xu thế biến động về trữ lượng nguồn lợi thủy sản, đánh giá sự biến động của nguồn lợi thủy sản	CG1, CG2	180
b	Dự báo nhu cầu khai thác nguồn lợi thủy sản; đánh giá mức độ khai thác và sản lượng tối đa cho phép khai thác bền vững	CG1, CG2	180
c	Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ tác động tới các hoạt động bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản	CG1, CG2	90
d	Đánh giá tác động của phát triển kinh tế - xã hội tới nhận thức của cộng đồng về bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản	CG1, CG2	90
đ	Đánh giá tác động của thị trường, tác động của biến đổi khí hậu đến công tác bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản	CG1, CG2	120
6	**Quan điểm, mục tiêu bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội**		
a	Quan điểm bảo vệ, khai thác nguồn lợi thủy sản xét về lợi ích kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, quốc phòng, an ninh, đảm bảo việc thực hiện các khuyến cáo và công ước quốc tế	CG1, CG2	90
b	Xác định mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể, định hướng bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	75
7	**Định hướng bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản**		
a	Xác định khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn biển; khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học, loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu, đường di cư tự nhiên của các loài thủy sản	CG1, CG2, CG3	280

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Phân vùng khai thác thủy sản; đề xuất biện pháp quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	CG1, CG2, CG3	290
c	Xác định nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; cơ cấu nghề, đối tượng khai thác, vùng biển khai thác thủy sản	CG1, CG2, CG3	200
d	Định hướng sử dụng đất, mặt nước cho việc bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản, xây dựng hạ tầng dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản	CG1, CG2, CG3	250
8	**Xây dựng hệ thống bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Bản đồ hiện trạng quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.	CG1, CG2, CG3	165
b.2	Bản đồ phân vùng khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	CG1, CG2, CG3	180
b.3	Bản đồ khoanh vùng khu vực thành lập khu bảo tồn biển; khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học, loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu, đường di cư tự nhiên của các loài thủy sản	CG1, CG2, CG3	150
9	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1, CG2	90
b	Giải pháp về tài chính, đầu tư	CG1, CG2	90
c	Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ	CG1, CG2	90

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
d	Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức	CG1, CG2	90
đ	Giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực	CG1, CG2	90
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1, CG2	90
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2	90
10	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2	280
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2	50
11	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	45
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	45
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	30
12	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG2, CG3	50
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG2, CG3	100

VI-4.7. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất quốc phòng**	CG1, CG2, CG3, CG4	45
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất quốc phòng**		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất quốc phòng	CG1, CG2, CG3	90
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	7
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2	15
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	12
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và nội dung đề xuất	CG1, CG2	80
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2	5
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	9
c	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2	12
d	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2	12
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và nội dung đề xuất**	CG2, CG3	10
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG2, CG3	5
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất quốc phòng	CG1, CG2, CG3, CG4	90
b	Tổng hợp đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được	CG2, CG3	30
c	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung	CG1, CG2, CG3, CG4	150
d	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	CG2, CG3	30
2	**Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng đất quốc phòng**		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
a	Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động	CG1, CG2, CG3, CG4	200
b	Thực trạng sử dụng đất quốc phòng	CG2, CG3	250
3	**Đánh giá tác động của sử dụng đất quốc phòng**		
a	Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội	CG1, CG2	95
b	Tác động đến môi trường, đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái;	CG1, CG2	95
c	Tác động đến các hoạt động phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1, CG2	120
4	**Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường quốc gia và các quy hoạch có liên quan đến sử dụng đất quốc phòng**	CG1, CG2	120
5	**Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới sử dụng đất quốc phòng; xác định nhu cầu sử dụng đất quốc phòng, yêu cầu về định mức sử dụng đất và dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất quốc phòng**		
a	Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới sử dụng đất quốc phòng	CG1, CG2	95
b	Xác định nhu cầu sử dụng đất quốc phòng, yêu cầu về định mức sử dụng đất và dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất quốc phòng	CG1, CG2, CG3	250
6	**Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất quốc phòng trong thời kỳ quy hoạch phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của quốc gia, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia**		
a	Xác định các quan điểm sử dụng đất quốc phòng trong thời kỳ quy hoạch phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của quốc gia, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia	CG1, CG2	115

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Xác định các mục tiêu sử dụng đất quốc phòng trong thời kỳ quy hoạch phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của quốc gia, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia	CG1, CG2	90
7	**Định hướng phân bố không gian và chỉ tiêu sử dụng đất quốc phòng**		
a	Định hướng sử dụng đất quốc phòng	CG1, CG2	90
b	Xác định các chỉ tiêu, định mức sử dụng đất	CG1, CG2	90
c	Xác định vị trí, diện tích đất quốc phòng đến từng vùng và đơn vị hành chính cấp tỉnh	CG1, CG2	250
d	Xác định vị trí, diện tích đất quốc phòng giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội	CG1, CG2	350
8	**Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu liên quan đến sử dụng đất quốc phòng**	CG1, CG2	90
9	**Xây dựng hệ thống bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất quốc phòng	CG1, CG2, CG3	120
b.2	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất quốc phòng	CG1, CG2, CG3	120

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.3	Bản đồ khu vực đất đất quốc phòng giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội	CG1, CG2, CG3	120
b.4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất quốc phòng của các khu vực trọng điểm	CG1, CG2, CG3	110
b.5	Bản đồ định hướng sử dụng đất quốc phòng của các khu vực trọng điểm	CG1, CG2, CG3	110
10	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách quản lý đất quốc phòng	CG1, CG2	80
b	Giải pháp về tài chính, đầu tư	CG1, CG2	80
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2	80
11	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2	210
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2	40
12	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	35
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	35
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	20
13	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG2, CG3	50
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG2, CG3	100

VI-4.8. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT AN NINH

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất an ninh**	CG1, CG2, CG3, CG4	45
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất an ninh**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất an ninh	CG1, CG2, CG3	90
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	9
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2	15
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	12
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và nội dung đề xuất	CG1, CG2	75
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2	5
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	8
c	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2	12
d	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2	10
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG2, CG3	10
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG2, CG3	5
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất an ninh	CG1, CG2, CG3, CG4	120

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Tổng hợp đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được	CG2, CG3	30
c	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung	CG1, CG2, CG3, CG4	65
d	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	CG2, CG3	30
2	**Phân tích, đánh giá thực trạng và các yếu tố tác động đến việc sử dụng đất an ninh**		
a	Quy hoạch sử dụng đất quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	90
b	Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc gia và quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng	CG2, CG3	90
c	Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội	CG1, CG2, CG3	120
d	Thực trạng quản lý, sử dụng đất an ninh, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất an ninh kỳ trước	CG1, CG2, CG3	120
đ	Nhu cầu sử dụng đất an ninh trong kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	120
e	Định mức sử dụng đất an ninh	CG1, CG2, CG3	150
g	Tiến bộ khoa học và công nghệ liên quan đến sử dụng đất an ninh	CG1, CG2, CG3	90
3	**Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất an ninh**	CG1, CG2	150
4	**Xác định quan điểm và mục tiêu sử dụng đất an ninh trong kỳ quy hoạch**		
a	Xác định quan điểm sử dụng đất an ninh trong kỳ quy hoạch	CG1, CG2	90
b	Xác định mục tiêu sử dụng đất an ninh trong kỳ quy hoạch	CG1, CG2	90
5	**Định hướng sử dụng đất an ninh 10 năm, tầm nhìn từ 30 đến 50 năm**	CG1, CG2	150

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
6	**Xác định chỉ tiêu sử dụng đất an ninh trong kỳ quy hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp tỉnh**	CG1, CG2	250
7	**Xác định vị trí, diện tích đất an ninh giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội**	CG1, CG2	250
8	**Xây dựng hệ thống bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất an ninh	CG1, CG2, CG3	120
b.2	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất an ninh	CG1, CG2, CG3	120
b.3	Bản đồ khu vực đất an ninh giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội	CG1, CG2, CG3	120
b.4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất an ninh của các khu vực trọng điểm	CG1, CG2, CG3	110
b.5	Bản đồ định hướng sử dụng đất an ninh của các khu vực trọng điểm	CG1, CG2, CG3	110
9	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**	CG1, CG2	250
10	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2	250
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2	40

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
11	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	30
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	30
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	15
12	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**	CG2, CG3	90
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG2, CG3	50
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG2, CG3	100

VI-5. QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch Bảo vệ môi trường quốc gia**	CG2, CG3, CG4	20
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch Bảo vệ môi trường quốc gia**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch Bảo vệ môi trường quốc gia	CG2, CG3	50
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG2, CG3	15

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	10
b.3	Đánh giá diễn biến môi trường, dự báo xu hướng phát thải phục vụ công tác lập nhiệm vụ quy hoạch.	CG2, CG3	60
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và nội dung đề xuất	CG1, CG2, CG3	80
b.5	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG2, CG3	7
c	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG2, CG3	20
d	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG2, CG3	6
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG2, CG3, CG4	10
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG2, CG3, CG4	5
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG2, CG3, CG4	247
b	Điều tra khảo sát thực địa	CG1, CG2, CG3, CG4	210
c	Tổng hợp xử lý các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG2, CG3, CG4	400
d	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu tổng hợp và theo từng đầu mục nội dung	CG1, CG2, CG3, CG4	150
2	**Đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường, cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học; tình hình và dự báo phát sinh chất thải; tác động cuả biến đổi khí hậu; tình hình quản lý và bảo vệ môi trường**		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
a	Điều kiện tự nhiên, thực trạng kinh tế - xã hội đầu kỳ quy hoạch	CG2, CG3, CG4	62
b	Hiện trạng đầu kỳ quy hoạch, diễn biến chất lượng môi trường trong kỳ quy hoạch trước, gồm chất lượng môi trường đất tại các khu vực bị nhiễm độc hóa chất trong chiến tranh, khu vực có các khu công nghiệp, nhà máy sản xuất, kho chứa hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, bãi chôn lấp chất thải, làng nghề đã đóng cửa hoặc di dời, khu vực khai thác khoáng sản độc hại hoặc có sử dụng hóa chất độc hại đã kết thúc khai thác, vùng canh tác nông nghiệp sử dụng nhiều hóa chất trên địa bàn quy hoạch; chất lượng môi trường nước tại các vùng biển, vùng biển ven bờ, dòng sông, đoạn sông, hồ, ao, kênh, mương, đặc biệt tại các khu vực tập trung nhiều nguồn nước thải, khu vực có nguồn nước thải lớn, khu vực nhạy cảm về môi trường; chất lượng không khí tại các đô thị, khu dân cư tập trung, khu vực có hoạt động sản xuất công nghiệp, làng nghề, khu vực có nhiều nguồn khí thải công nghiệp hoặc có nguồn khí thải công nghiệp lớn	CG2, CG3, CG4	188
c	Đánh giá hiện trạng đầu kỳ quy hoạch, diễn biến cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học trên phạm vi cả nước, gồm các hệ sinh thái rừng trên cạn, núi đá vôi, đất ngập nước, rừng ngập mặn, hệ sinh thái san hô, cỏ biển, thủy sinh quan trọng khác; các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Luật Đa dạng sinh học; các nguồn gen quý, có giá trị	CG2, CG3, CG4	135
d	Đánh giá tình hình phát sinh các loại chất thải trong kỳ quy hoạch trước và dự báo về quy mô và tính chất của các loại chất thải phát sinh trong kỳ quy hoạch, bao gồm: nước thải công nghiệp, sinh hoạt và các loại nước thải khác; khí thải công nghiệp, khí thải từ	CG2, CG3, CG4	135

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
	các phương tiện giao thông, khí thải khác; chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn trong sản xuất nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp; rác thải sinh hoạt đô thị, nông thôn, làng nghề; chất thải nguy hại; các loại chất thải đặc thù khác		
đ	Đánh giá các tác động của biến đổi khí hậu trong kỳ quy hoạch trước và dự báo các tác động của biến đổi khí hậu đến chất lượng môi trường và đa dạng sinh học trong kỳ quy hoạch	CG2, CG3, CG4	188
e	Đánh giá tình hình quản lý và bảo vệ môi trường, gồm công tác quản lý nhà nước về môi trường ở các Bộ, ngành và địa phương; tình hình quản lý và bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp, cộng đồng và sự tham gia của các tổ chức xã hội, người dân; tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật về môi trường; tình hình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp phép về môi trường, thanh tra, kiểm tra về môi trường; tình hình phân vùng môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; quản lý chất thải; quan trắc và cảnh báo môi trường trong kỳ quy hoạch trước; các vấn đề môi trường chính và thách thức đối với môi trường trong kỳ quy hoạch	CG2, CG3, CG4	77
3	**Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường**		
a	Quan điểm về bảo vệ môi trường trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	9
b	Xác định các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể bảo vệ môi trường trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn từ 30 đến 50 năm	CG1, CG2, CG3	35

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Xác định các nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường, gồm giảm thiểu tác động đến môi trường từ phát triển kinh tế - xã hội, kiểm soát nguồn ô nhiễm, quản lý chất thải; quản lý, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	CG1, CG2, CG3	203
d	Xây dựng nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện định hướng, giải pháp xử lý các loại chất thải phát sinh, bao gồm chất thải rắn thông thường, chất thải xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, y tế, chất thải nhiễm phóng xạ và chất thải khác	CG1, CG2, CG3	45
4	**Định hướng phân vùng môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; quản lý chất thải; quan trắc và cảnh báo môi trường trong kỳ quy hoạch**		
a	Định hướng về phân vùng môi trường trên phạm vi cả nước theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác	CG1, CG2, CG3, CG4	49
b	Chỉ tiêu và định hướng xác lập các khu vực đa dạng sinh học cao, cảnh quan thiên nhiên quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên và cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	CG1, CG2, CG3, CG4	66
c	Định hướng về vị trí quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh	CG1, CG2, CG3, CG4	161
d	Định hướng về điểm, thông số, tần suất quan trắc của mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường đất, nước, không khí quốc gia, liên tỉnh và tỉnh	CG1, CG2, CG3, CG4	116
5	**Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư bảo vệ môi trường và thứ tự ưu tiên thực hiện**		
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thời kỳ quy hoạch;	CG1, CG2, CG3, CG4	130

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư.	CG1, CG2, CG3, CG4	235
6	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng;	CG2, CG3, CG4	113
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1, CG2, CG3, CG4	115
c	Giải pháp về khoa học và công nghệ	CG1, CG2, CG3, CG4	255
d	Giải pháp về tài chính, đầu tư	CG1, CG2, CG3, CG4	158
đ	Giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực	CG2, CG3, CG4	113
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1, CG2, CG3	60
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	108
7	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2, CG3, CG4	250
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2, CG3, CG4	90
8	**Xây dựng hệ thống bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Bản đồ hiện trạng và định hướng phân vùng môi trường	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b.2	Bản đồ hiện trạng và định hướng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b.3	Bản đồ hiện trạng và định hướng các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh	CG1, CG2, CG3, CG4	120
b.4	Bản đồ hiện trạng và định hướng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường quốc gia, cấp vùng và cấp tỉnh	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b.5	Bản đồ tích hợp hiện trạng và định hướng bảo vệ môi trường (phân vùng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, khu xử lý chất thải, mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường)	CG1, CG2, CG3, CG4	120
9	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	50
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	100

VI-6. QUY HOẠCH BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC QUỐC GIA

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia**	CG2, CG3, CG4	20
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia**		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	50
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2	16
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2	16
b.3	Khái quát diễn biến đa dạng sinh học, đánh giá các nguy cơ gây suy thoái đa dạng sinh học	CG1, CG2	49
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và nội dung đề xuất	CG1, CG2	60
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2	8
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	6
c	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2	14
d	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2	6
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG2, CG3	10
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1	5
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1, CG2, CG3, CG4	113
b	Điều tra khảo sát thực địa	CG1, CG2, CG3	75
c	Tổng hợp xử lý các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1, CG2, CG3, CG4	150
d	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu tổng hợp và theo từng đầu mục nội dung	CG1, CG2, CG3	52

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
2	**Đánh giá hiện trạng, diễn biến, tình hình quản lý bảo tồn đa dạng sinh học**		
a	Tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường trên phạm vi cả nước	CG2, CG3, CG3	50
b	Đánh giá hiện trạng, diễn biến đa dạng sinh học nói chung và các khu vực có đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, các hành lang đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên, các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; tình hình thực hiện quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học thời kỳ trước	CG1, CG2, CG3, CG4	116
c	Đánh giá tình hình quản lý đa dạng sinh học nói chung và tình hình quản lý các khu vực có đa dạng sinh học cao, vùng ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, các hành lang đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên, các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	CG2, CG3, CG4	90
d	Phân tích, đánh giá, dự báo các áp lực và xu hướng tác động từ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu lên đa dạng sinh học	CG2, CG3, CG4	166
đ	Phân tích, đánh giá nhu cầu bảo tồn đa dạng sinh học	CG1, CG2, CG3, CG4	60
3	**Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học**		
a	Xây dựng quan điểm bảo tồn đa dạng sinh học trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	18
b	Xác định các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể về bảo tồn đa dạng sinh học nói chung, bảo tồn các khu vực có đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, các hành lang đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên, các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn từ 30 đến 50 năm	CG1, CG2, CG3, CG4	120

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Xác định nhiệm vụ, giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	70
4	**Xác định tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích, loại hình, mục tiêu, chế độ và phân cấp quản lý đối với các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, các hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học**	CG1, CG2, CG3, CG4	176
5	**Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư bảo tồn đa dạng sinh học và thứ tự ưu tiên thực hiện**		
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	79
b	Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng cấp quốc gia, dự án quan trọng trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học, đề xuất thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện các dự án	CG1, CG2, CG3, CG4	158
6	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng	CG1, CG2, CG3, CG4	75
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1, CG2, CG3, CG4	97
c	Giải pháp về khoa học và công nghệ	CG1, CG2, CG3, CG4	233
d	Giải pháp về tài chính, đầu tư	CG2, CG3, CG4	85
đ	Giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực	CG1, CG2, CG3, CG4	74
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1, CG2, CG3, CG4	59

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	75
7	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2, CG3, CG4	220
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG2, CG3, CG4	85
8	**Xây dựng hệ thống bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Bản đồ hiện trạng và định hướng bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	CG1, CG2, CG3, CG4	80
b.2	Bản đồ hiện trạng và định hướng bảo tồn các khu vực có đa dạng sinh học cao	CG1, CG2, CG3, CG4	80
b.3	Bản đồ hiện trạng và định hướng bảo tồn các hành lang đa dạng sinh học	CG1, CG2, CG3, CG4	80
b.4	Bản đồ hiện trạng và định hướng các khu bảo tồn thiên nhiên	CG1, CG2, CG3, CG4	80
b.5	Bản đồ hiện trạng và định hướng phân bố các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	CG1, CG2, CG3, CG4	80
b.6	Bản đồ tích hợp hiện trạng và định hướng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (cảnh quan thiên nhiên, khu vực có đa dạng sinh học cao, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học)	CG1, CG2, CG3, CG4	120

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
9	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	30
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	30
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	20
10	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**	CG1, CG2, CG3, CG4	140
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	50
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	100

Phụ lục VII
ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP CHO QUY HOẠCH VÙNG CHUẨN

(Kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch vùng**	CG1, CG2, CG3, CG4	30
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch vùng**		
a	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch:		
a.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ quy hoạch	CG2, CG3	7
a.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	25
a.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	35
a.4	Nội dung chính của quy hoạch và các hợp phần quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2, CG3	8
a.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	5
b	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG2, CG3, CG4	15
c	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	25
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các hợp phần quy hoạch**	CG2, CG4	30
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG3	10
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập và xử lý tài liệu, số liệu**		
a	Thu thập tài liệu, số liệu ban đầu	CG2, CG3, CG4	128

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Điều tra, khảo sát thu thập thông tin nội tại của vùng		
b.1	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, dữ liệu	CG2, CG3, CG4	83
b.2	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, dữ liệu về không gian	CG2, CG3, CG4	83
b.3	Xử lý, tổng hợp số liệu, dữ liệu (phân nhóm số liệu, dữ liệu)	CG2, CG3, CG4	60
c	Thu thập và xử lý thông tin bên ngoài, cấp trên tác động đến lãnh thổ		
c.1	Thu thập thông tin, đánh giá bối cảnh và các yếu tố không gian tác động trực tiếp có tác động chủ yếu đến vùng: Kết nối giao thông, kết nối lưu vực sông, kết nối các hành lang kinh tế.	CG3, CG4	50
c.2	Thu thập thông tin, đánh giá bối cảnh và các yếu tố về điều ước quốc tế, thể chế, chính sách, thị trường tác động đến quá trình phát triển của vùng.	CG3, CG4	50
c.3	Thu thập thông tin, đánh giá các yếu tố chủ yếu về biến đổi khí hậu tác động đến vùng	CG3, CG4	50
c.4	Kiểm chứng, đánh giá mức độ tin cậy của nguồn thông tin	CG2, CG3, CG4	28
d	Thu thập tài liệu, số liệu bổ sung		
d.1	Rà soát số liệu, dữ liệu yêu cầu thu thập điều tra bổ sung	CG2, CG3, CG4	45
d.2	Rà soát số liệu, dữ liệu yêu cầu thu thập điều tra bổ sung các hợp phần	CG2, CG3, CG4	45
đ	Xử lý, tổng hợp tài liệu, số liệu		
đ.1	Xử lý tổng hợp các thông tin và phản hồi các thông tin được cung cấp từ các hợp phần.	CG2, CG3, CG4	130
đ.2	Xử lý tổng hợp thông tin về hiện trạng không gian	CG2, CG3, CG4	90
đ.3	Xử lý thông tin hiện trạng sử dụng tài nguyên	CG2, CG3, CG4	90
đ.4	Xử lý thông tin về hiện trạng dân số, lao động - việc làm, y tế, giáo dục, văn hóa	CG2, CG3, CG4	90

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
đ.5	Xử lý thông tin về hiện trạng môi trường	CG2, CG3, CG4	90
đ.6	Xử lý thông tin về hiện trạng về kinh tế	CG2, CG3, CG4	90
đ.7	Xử lý thông tin về hiện trạng phát triển đô thị và nông thôn	CG2, CG3, CG4	90
đ.8	Xử lý thông tin về hiện trạng phát triển các khu chức năng tổng hợp	CG2, CG3, CG4	90
đ.9	Xử lý thông tin về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật	CG2, CG3, CG4	90
đ.10	Xử lý thông tin về hiện trạng hạ tầng xã hội	CG2, CG3, CG4	90
2	**Phân tích, đánh giá thực trạng các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực đặc thù của vùng**		
a	Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của vùng	CG2, CG3, CG4	200
b	Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội; tài nguyên thiên nhiên, môi trường; hệ thống đô thị, nông thôn; kết cấu hạ tầng; liên kết nội vùng, liên kết vùng với khu vực và quốc tế; các nguồn lực của vùng đã và đang được khai thác, các tiềm năng chưa được khai thác; các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng		
b.1	Hiện trạng phát triển kinh tế, các ngành kinh tế và cơ sở hạ tầng kinh tế	CG2, CG3, CG4	200
b.2	Hiện trạng phát triển xã hội, các ngành văn hóa, xã hội và cơ sở hạ tầng xã hội	CG2, CG3, CG4	200
b.3	Hiện trạng phát triển tài nguyên thiên nhiên, môi trường	CG2, CG3, CG4	200
b.4	Hiện trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn	CG2, CG3, CG4	200
b.5	Hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng	CG2, CG3, CG4	200

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.6	Hiện trạng liên kết nội vùng, liên kết vùng với khu vực và quốc tế	CG2, CG3, CG4	250
b.7	Hiện trạng các nguồn lực của vùng đã và đang được khai thác, các tiềm năng chưa được khai thác	CG2, CG3, CG4	350
b.8	Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng	CG2, CG3, CG4	200
c	Vị trí, vai trò của vùng đối với quốc gia	CG2, CG3, CG4	200
d	Các vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong quy hoạch vùng	CG1, CG2, CG3, CG4	250
d.1	Xác định, khoanh vùng các đối tượng lãnh thổ đã được khai thác chủ yếu cho các hoạt động kinh tế, xã hội	CG2, CG3, CG4	115
d.2	Đánh giá sự phù hợp về bố trí không gian các vùng chức năng, cực tăng trưởng, các tuyến hạ tầng kỹ thuật liên tỉnh và công trình hạ tầng xã hội cấp vùng, các khu chức năng đặc thù	CG2, CG3, CG4	95
d.3	Sự phù hợp về quy mô phát triển các công trình quan trọng cấp vùng	CG2, CG3, CG4	95
d.4	Sự phù hợp về sức chứa lãnh thổ	CG2, CG3	95
d.5	Xác định những vấn đề nổi cộm và những hạn chế, tồn tại cần giải quyết	CG1, CG2, CG3, CG4	70
3	**Tổng hợp đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT)**		
a	Xác định các điểm mạnh của vùng	CG2, CG3, CG4	71
b	Xác định các điểm yếu của vùng	CG2, CG3, CG4	71
c	Xác định các cơ hội phát triển đối với vùng	CG2, CG3, CG4	71
d	Xác định các thách thức đối với vùng	CG2, CG3, CG4	71
đ	Tổng hợp, phân tích đánh giá SWOT (S-O, W-T)	CG1, CG2, CG3, CG4	47

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
4	**Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển**		
a	Phân tích các yếu tố tác động từ bên ngoài tác động đến lãnh thổ (về tự nhiên, môi trường, quan hệ kinh tế thương mại, đầu tư hạ tầng)		
a.1	Phân tích các yếu tố bối cảnh tác động quốc tế đến phát triển vùng	CG2, CG3, CG4	62
a.2	Phân tích các yếu tố bối cảnh tác động từ quốc gia đến phát triển vùng	CG2, CG3, CG4	62
a.3	Phân tích các yếu tố tác động từ các vùng lân cận	CG2, CG3, CG4	62
b	Dự báo các yếu tố tác động chủ yếu đến lãnh thổ		
b.1	Phân tích, dự báo các yếu tố bối cảnh tác động quốc tế đến phát triển vùng	CG2, CG3, CG4	70
b.2	Phân tích, dự báo các yếu tố bối cảnh tác động từ quốc gia đến phát triển vùng	CG2, CG3, CG4	70
b.3	Phân tích, dự báo các yếu tố tác động từ các vùng lân cận	CG2, CG3, CG4	70
c	Lựa chọn kịch bản phát triển		
c.1	Xây dựng các kịch bản phát triển	CG1, CG2, CG3, CG4	85
c.2	Luận chứng lựa chọn kịch bản phát triển	CG1, CG2, CG3, CG4	85
5	**Xây dựng quan điểm và mục tiêu phát triển vùng**		
a	Quan điểm về phát triển vùng, tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ vùng trong thời kỳ quy hoạch		
a.1	Tư tưởng chủ đạo, tầm nhìn phát triển và quan điểm về phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	40
a.2	Quan điểm về tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, môi trường trong vùng	CG1, CG2, CG3	40

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Mục tiêu tổng quát phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn từ 20 đến 30 năm	CG1, CG2, CG3	50
c	Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch		
c.1	Đề xuất các mục tiêu về kinh tế gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	70
c.2	Đề xuất các mục tiêu về xã hội gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	70
c.3	Đề xuất các mục tiêu về quốc phòng, an ninh gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	70
c.4	Đề xuất các mục tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	70
c.5	Đề xuất các mục tiêu về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	70
c.6	Đề xuất các chỉ tiêu theo nhóm tổng hợp chung	CG2, CG3	100
c.7	Đề xuất các chỉ tiêu về không gian	CG2, CG3	100
c.8	Đề xuất các chỉ tiêu tổng hợp theo các hợp phần	CG2, CG3	100
6	**Phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng**		
a	Xác định ngành có lợi thế và mục tiêu phát triển	CG1, CG2, CG3, CG4	133
b	Tổ chức không gian phát triển ngành có lợi thế	CG2, CG3, CG4	143
c	Đề xuất giải pháp phát triển ngành có lợi thế	CG2, CG3, CG4	69
7	**Phương án phát triển, sắp xếp, lựa chọn và phân bố nguồn lực phát triển trên lãnh thổ vùng**		
a	Sắp xếp và tổ chức không gian phát triển các dự án quan trọng cấp quốc gia đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia trên lãnh thổ vùng	CG2, CG3, CG4	107

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Xây dựng và lựa chọn phương án phát triển không gian vùng gồm các hành lang phát triển, các khu vực khuyến khích phát triển; xác định nguyên tắc tổ chức, quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn trong vùng	CG1, CG2, CG3, CG4	90
c	Xác định những nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá cần giải quyết trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	75
d	Định hướng phân bố nguồn lực trên lãnh thổ vùng phù hợp với phương án phát triển không gian vùng	CG2, CG3, CG4	127
đ	Đề xuất nguyên tắc tổ chức liên kết không gian vùng, nguyên tắc phối hợp tổ chức phát triển không gian liên tỉnh	CG2, CG3, CG4	97
8	**Các nội dung cụ thể quy định tài điểm d khoản 2 Điều 26 Luật Quy hoạch**		
a	Xác định hệ thống đô thị, nông thôn	CG1, CG2, CG3, CG4	35
b	Xác định các khu kinh tế	CG1, CG2, CG3, CG4	35
c	Xác định các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao	CG1, CG2, CG3, CG4	35
d	Xác định các khu du lịch	CG1, CG2, CG3, CG4	35
đ	Xác định các khu nghiên cứu, đào tạo	CG1, CG2, CG3, CG4	35
e	Xác định các khu thể dục thể thao	CG1, CG2, CG3, CG4	35
g	Xác định các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích	CG1, CG2, CG3, CG4	35
h	Xác định vùng sản xuất tập trung	CG1, CG2, CG3, CG4	35

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
9	**Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng vùng**		
a	Xây dựng phương án liên kết hệ thống đô thị cấp vùng, liên kết đô thị và nông thôn, liên kết các trung tâm kinh tế, khu công nghiệp và vùng sản xuất tập trung trên lãnh thổ vùng	CG1, CG2, CG3, CG4	128
b	Xác định yêu cầu đối với hệ thống kết cấu hạ tầng vùng; xây dựng phương hướng phân bố và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên lãnh thổ vùng đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, phương án liên kết hệ thống kết cấu hạ tầng vùng và liên tỉnh gồm mạng lưới giao thông, mạng lưới cấp điện, cung cấp năng lượng, mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, chuẩn bị kỹ thuật, mạng lưới viễn thông, các khu xử lý chất thải nguy hại và các công trình hạ tầng xã hội cấp vùng.	CG1, CG2, CG3, CG4	128
10	**Phương hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng**		
a	Phương hướng liên kết bảo vệ môi trường vùng và liên tỉnh, các lưu vực sông liên tỉnh, các khu vực ven biển liên tỉnh	CG2, CG3, CG4	97
b	Phương hướng xác lập các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, các khu bảo tồn thiên nhiên, các hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh	CG2, CG3, CG4	97
c	Phương hướng tổ chức không gian các khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng và liên tỉnh, bao gồm vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải để xử lý	CG2, CG3, CG4	163
d	Phương hướng phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất liên tỉnh và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp	CG2, CG3, CG4	97

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
đ	Xây dựng cơ chế phối hợp thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; phối hợp khai thác nguồn tài nguyên nước và kiểm soát ô nhiễm nguồn nước lưu vực sông; phối hợp phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu	CG2, CG3, CG4	77
g	Xây dựng cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ vùng	CG2, CG3, CG4	60
11	**Phương hướng khai thác, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông trên lãnh thổ vùng**		
a	Định hướng phân vùng chức năng của nguồn nước; định hướng ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; định hướng nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt; định hướng hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; định hướng công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước	CG2, CG3, CG4	90
b	Định hướng các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt để bảo đảm chức năng của nguồn nước; định hướng hệ thống giám sát chất lượng nước, giám sát xả nước thải vào nguồn nước	CG2, CG3, CG4	80
c	Định hướng các giải pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra	CG2, CG3, CG4	60
12	**Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện**		
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của vùng trong thời kỳ quy hoạch	CG2, CG3	30
b	Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng của vùng, đề xuất thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện các dự án		
b.1	Luận chứng về khả năng đáp ứng về nguồn lực	CG2, CG3	90
b.2	Xác định danh mục các dự án ưu tiên thực hiện	CG1, CG2, CG3, CG4	131

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
13	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách đảm bảo liên kết vùng	CG1, CG2, CG3, CG4	78
b	Giải pháp về huy động vốn đầu tư	CG1, CG2, CG3, CG4	78
c	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1, CG2, CG3, CG4	78
d	Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ	CG1, CG2, CG3, CG4	78
đ	Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn;	CG1, CG2, CG3, CG4	78
e	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	78
14	**Xây dựng hệ thống bản đồ**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG2, CG3, CG4	85
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia, cấp vùng	CG2, CG3, CG4	85
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của vùng	CG2, CG3, CG4	70
b.2	Các bản đồ về hiện trạng phát triển vùng	CG2, CG3, CG4	250
b.3	Bản đồ phương hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn	CG1, CG2, CG3, CG4	187
b.4	Bản đồ phương hướng tổ chức không gian và phân vùng chức năng	CG1, CG2, CG3, CG4	187

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.5	Bản đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	CG1, CG2, CG3, CG4	187
b.6	Bản đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	CG1, CG2, CG3, CG4	187
b.7	Bản đồ phương hướng sử dụng tài nguyên	CG1, CG2, CG3, CG4	187
b.8	Bản đồ phương hướng bảo vệ môi trường	CG1, CG2, CG3, CG4	160
b.9	Bản đồ phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1, CG2, CG3, CG4	187
b.10	Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện	CG1, CG2, CG3, CG4	187
b.11	Bản đồ chuyên đề (nếu có).	CG1, CG2, CG3, CG4	187
15	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2, CG3, CG4	400
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2, CG3, CG4	140
16	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	100
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	100
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	67
17	**Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	120
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	250

Phụ lục VIII

ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP CHO QUY HOẠCH TỈNH CHUẨN

(Kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh**	CG1, CG2, CG3, CG4	30
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh**		
a	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
a.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG2, CG3	7
a.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	25
a.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	35
a.4	Nội dung chính của quy hoạch và nội dung đề xuất	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2, CG3	8
a.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	5
b	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG2, CG3, CG4	15
c	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	25
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG2, CG4	30
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình thẩm định và phê duyệt**	CG1, CG3	14

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập và xử lý tài liệu, số liệu**		
a	Thu thập tài liệu, số liệu ban đầu	CG2, CG3, CG4	63
b	Điều tra, khảo sát thu thập thông tin trực tiếp của tỉnh		
b.1	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, dữ liệu	CG2, CG3, CG4	57
b.2	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, dữ liệu về không gian	CG2, CG3, CG4	57
b.3	Xử lý, tổng hợp số liệu, dữ liệu (phân nhóm số liệu, dữ liệu)	CG1, CG2, CG3, CG4	28
c	Thu thập và xử lý thông tin bên ngoài, cấp trên tác động đến tỉnh		
c.1	Bối cảnh và các yếu tố không gian tác động trực tiếp có tác động chủ yếu đến tỉnh: kết nối giao thông, kết nối lưu vực sông, kết nối các hành lang kinh tế, liên kết vùng chức năng	CG2, CG3, CG4	53
c.2	Bối cảnh và các yếu tố về chính sách, thị trường tác động đến quá trình phát triển của tỉnh	CG2, CG3, CG4	53
c.3	Các yếu tố chủ yếu về biến đổi khí hậu tác động đến tỉnh	CG2, CG3, CG4	53
c.4	Kiểm chứng, đánh giá mức độ tin cậy của nguồn thông tin	CG1, CG2, CG3, CG4	22
d	Thu thập tài liệu, số liệu bổ sung		
d.1	Rà soát số liệu, dữ liệu yêu cầu thu thập điều tra bổ sung	CG2, CG3, CG4	45
d.2	Rà soát số liệu, dữ liệu yêu cầu thu thập điều tra bổ sung các hợp phần	CG2, CG3, CG4	45
đ	Xử lý, tổng hợp tài liệu, số liệu		
đ.1	Xử lý tổng hợp các thông tin và phản hồi các thông tin được cung cấp từ các hợp phần.	CG1, CG2, CG3, CG4	90

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
đ.2	Xử lý tổng hợp thông tin về hiện trạng không gian	CG2, CG3, CG4	45
đ.3	Xử lý thông tin hiện trạng sử dụng tài nguyên	CG2, CG3, CG4	45
đ.4	Xử lý thông tin về hiện trạng dân số, lao động - việc làm, y tế, giáo dục, văn hóa	CG2, CG3, CG4	45
đ.5	Xử lý thông tin về hiện trạng môi trường	CG2, CG3, CG4	45
đ.6	Xử lý thông tin về hiện trạng về kinh tế	CG2, CG3, CG4	45
đ.7	Xử lý thông tin về hiện trạng phát triển đô thị và nông thôn	CG2, CG3, CG4	45
đ.8	Xử lý thông tin về hiện trạng phát triển các khu chức năng tổng hợp	CG2, CG3, CG4	45
đ.9	Xử lý thông tin về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật	CG2, CG3, CG4	45
đ.10	Xử lý thông tin về hiện trạng hạ tầng xã hội	CG2, CG3, CG4	45
2	**Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của địa phương**		
a	Phân tích, tổng hợp đánh giá về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên	CG2, CG3, CG4	80
b	Phân tích, tổng hợp đánh giá về điều kiện xã hội	CG2, CG3, CG4	80
c	Phân tích, tổng hợp đánh giá điều kiện về tài nguyên thiên nhiên và môi trường	CG2, CG3, CG4	120
d	Phân tích, đánh giá vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng và quốc gia	CG1, CG2, CG3	120
đ	Các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh		
đ.1	Các yếu tố, điều kiện bối cảnh quốc tế tác động đến phát triển tỉnh	CG2, CG3, CG4	47

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
đ.2	Các yếu tố, điều kiện bối cảnh quốc gia, vùng tác động đến phát triển tỉnh	CG2, CG3, CG4	52
đ.3	Các yếu tố tác động từ các tỉnh, khu vực lân cận	CG2, CG3, CG4	27
e	Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	CG2, CG3, CG4	80
3	**Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn**		
a	Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế và thực trạng phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh; khả năng huy động nguồn lực	CG2, CG3, CG4	150
b	Đánh giá thực trạng các ngành và lĩnh vực xã hội của tỉnh gồm dân số, lao động, việc làm, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, khoa học và công nghệ	CG2, CG3, CG4	120
c	Đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất của tỉnh, tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của tỉnh	CG2, CG3, CG4	120
d	Đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh		
d.1	Xác định, khoanh vùng các đối tượng lãnh thổ đã được khai thác chủ yếu cho các hoạt động kinh tế, xã hội	CG2, CG3, CG4	72
d.2	Đánh giá sự phù hợp về bố trí không gian các khu chức năng, cực tăng trưởng, các tuyến hạ tầng kỹ thuật tỉnh và công trình hạ tầng xã hội cấp tỉnh, các khu chức năng đặc thù	CG2, CG3, CG4	102
d.3	Sự phù hợp về quy mô phát triển các công trình quan trọng cấp tỉnh	CG1, CG2, CG3, CG4	114
d.4	Sự phù hợp về sức chứa lãnh thổ	CG1, CG2, CG3, CG4	406
đ	Xác định những tồn tại, hạn chế cần giải quyết; phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
đ.1	Xác định những tồn tại, hạn chế cần được giải quyết	CG1, CG2, CG3, CG4	222
đ.2	Tổng hợp đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT)	CG1, CG2, CG3, CG4	376
4	**Xác định quan điểm và mục tiêu phát triển tỉnh**		
a	Xây dựng tư tưởng chủ đạo, tổ chức tham vấn từ đó xác định quan điểm quy hoạch		
a.1	Xây dựng quan điểm về phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	33
a.2	Xây dựng quan điểm về tổ chức, sắp xếp không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	40
b	Xây dựng kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển tỉnh		
b.1	Xây dựng các kịch bản phát triển tỉnh	CG1, CG2, CG3	48
b.2	Luận chứng lựa chọn kịch bản phát triển	CG1, CG2, CG3	48
c	Mục tiêu tổng quát phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn từ 20 đến 30 năm	CG1, CG2, CG3	35
d	Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với tổ chức, sắp xếp không gian phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch		
d.1	Đề xuất các mục tiêu về kinh tế gắn với tổ chức, sắp xếp không gian phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch	CG2, CG3	33
d.2	Đề xuất các mục tiêu về xã hội gắn với tổ chức, sắp xếp không gian phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch	CG2, CG3	33

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
d.3	Đề xuất các mục tiêu về môi trường, quốc phòng, an ninh (gắn với tổ chức, sắp xếp không gian phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch	CG2, CG3	33
d.4	Đề xuất các chỉ tiêu theo nhóm tổng hợp chung	CG2, CG3	35
d.5	Đề xuất các chỉ tiêu về không gian	CG2, CG3	35
d.6	Đề xuất các chỉ tiêu tổng hợp theo các nội dung đề xuất	CG2, CG3	35
đ	Xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	35
5	**Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh**		
a	Xác định ngành quan trọng của tỉnh và mục tiêu phát triển	CG1, CG2, CG3, CG4	51
b	Sắp xếp và tổ chức không gian phát triển ngành quan trọng của tỉnh	CG2, CG3, CG4	49
c	Đề xuất giải pháp phát triển ngành quan trọng của tỉnh	CG2, CG3, CG4	38
6	**Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm các hoạt động**		
a	Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng trên địa bàn tỉnh	CG2, CG3, CG4	59
b	Xác định phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng	CG1, CG2, CG3, CG4	64
c	Xây dựng phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển	CG1, CG2, CG3, CG4	59
d	Đề xuất phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên huyện	CG1, CG2, CG3, CG4	59
đ	Lựa chọn phương án sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên huyện	CG1, CG2, CG3, CG4	64

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
7	**Xây dựng các nội dung cụ thể theo Quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, i và k khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch**		
a	Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, bao gồm: Phương án phát triển đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đã được xác định trong quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển đô thị tỉnh lỵ và các thành phố, thị xã, thị trấn trên địa bàn; phương án phát triển hệ thống khu kinh tế; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển các cụm công nghiệp; phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương án phân bố hệ thống điểm dân cư; xác định khu quân sự, an ninh; phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực	CG1, CG2, CG3	120
b	Phương án phát triển mạng lưới giao thông, bao gồm: Phương án phát triển mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ, đường sắt; các tuyến đường thủy nội địa và đường hàng hải; các cảng biển, sân bay quốc tế, quốc gia; mạng lưới đường bộ, đường thủy liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn, mạng lưới đường tỉnh	CG1, CG2, CG3	120
c	Phương án phát triển mạng lưới cấp điện, bao gồm: Phương án phát triển các công trình cấp điện và mạng lưới truyền tải điện đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối	CG1, CG2, CG3	75

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
d	Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm: Phương án phát triển các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh	CG1, CG2, CG3	90
đ	Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước bao gồm: Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, mạng lưới cấp nước quy mô vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới thủy lợi, cấp nước liên huyện	CG1, CG2, CG3	75
e	Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, bao gồm: Phương án phát triển các khu xử lý chất thải nguy hại cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới thủy lợi, cấp nước liên huyện	CG1, CG2, CG3	75
g	Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, bao gồm: Phương án phát triển các dự án hạ tầng xã hội cấp quốc gia, cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các công trình hạ tầng xã hội khác của tỉnh	CG1, CG2, CG3	75
8	**Lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện**		
a	Định hướng sử dụng đất của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	68
b	Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất, bao gồm chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử	CG1, CG2, CG3, CG4	68

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
	dụng đất cấp tỉnh gồm: đất trồng cây lâu năm; đất ở tại nông thôn; đất ở tại đô thị; đất xây dựng trụ sở cơ quan; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp; đất xây dựng cơ sở ngoại giao; đất cụm công nghiệp; đất thương mại - dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; đất di tích lịch sử - văn hóa; đất danh lam thắng cảnh; đất phát triển hạ tầng cấp tỉnh gồm đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao, đất giao thông, đất thủy lợi, đất công trình năng lượng, đất công trình bưu chính viễn thông; cơ sở tôn giáo; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		
c	Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng gồm khu sản xuất nông nghiệp, khu lâm nghiệp, khu du lịch, khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, khu phát triển công nghiệp, khu đô thị, khu thương mại - dịch vụ, khu dân cư nông thôn	CG2, CG3, CG4	77
d	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất nêu tại điểm b mục này đến từng đơn vị hành chính cấp huyện	CG2, CG3, CG4	90
đ	Xác định diện tích các loại đất cần thu hồi để thực hiện các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 thực hiện trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	CG2, CG3, CG4	77
e	Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 đến từng đơn vị hành chính cấp huyện	CG2, CG3, CG4	77
g	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;	CG2, CG3, CG4	77
h	Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	CG1, CG2, CG3, CG4	200

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
9	**Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện**		
a	Xác định phạm vi, tính chất, hướng phát triển trọng tâm của từng vùng liên huyện, vùng huyện	CG2, CG3, CG4	73
b	Bố trí, sắp xếp hệ thống các thị trấn, trung tâm cụm xã theo nhu cầu phân bố sản xuất và phân bố dân cư tại từng vùng liên huyện, vùng huyện	CG2, CG3, CG4	70
c	Định hướng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo từng vùng liên huyện, vùng huyện.	CG1, CG2, CG3, CG4	75
10	**Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh**		
a	Xây dựng nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh	CG2, CG3, CG4	82
b	Phương án về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia	CG2, CG3, CG4	163
c	Xác định mục tiêu, chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh; xác định tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích, bản đồ, mục tiêu, tổ chức và biện pháp quản lý đối với các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh	CG1, CG2, CG3, CG4	68
d	Phương án về vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia trên địa bàn tỉnh	CG1, CG2, CG3, CG4	68
đ	Phương án về điểm, thông số, tần suất quan trắc chất lượng môi trường đất, nước, không khí quốc gia, liên tỉnh và tỉnh đã được định hướng trong quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia	CG2, CG3, CG4	90

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
e	Phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh	CG2, CG3, CG4	90
g	Sắp xếp, phân bố không gian các khu nghĩa trang, khu xử lý chất thải liên huyện	CG2, CG3, CG4	70
11	**Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên trên địa bàn tỉnh**		
a	Phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên trên địa bàn tỉnh	CG2, CG3, CG4	70
b	Khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác và tiến độ thăm dò, khai thác; khu vực thăm dò khai thác được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp	CG2, CG3, CG4	90
12	**Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra**		
a	Phân vùng chức năng của nguồn nước; xác định tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt; xác định hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; xác định công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước	CG2, CG3, CG4	95
b	Xác định các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt để bảo đảm chức năng của nguồn nước; xác định hệ thống giám sát chất lượng nước, giám sát xả nước thải vào nguồn nước	CG2, CG3, CG4	50
c	Đánh giá tổng quát hiệu quả và tác động của biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra hiện có; xác định các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phòng, chống, khắc phục, cảnh báo, dự báo và giảm thiểu tác hại do nước gây ra	CG2, CG3, CG4	45

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
13	**Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh**		
a	Phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn	CG2, CG3, CG4	45
b	Xây dựng nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý rủi ro thiên tai	CG1, CG2, CG3, CG4	84
c	Xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	CG2, CG3, CG4	35
d	Xây dựng phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh	CG2, CG3, CG4	45
14	**Xây dựng danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện**		
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch	CG2, CG3	35
b	Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng của tỉnh, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện các dự án		
b.1	Luận chứng về khả năng đáp ứng về nguồn lực	CG2, CG3	95
b.2	Xác định danh mục các dự án ưu tiên từ ngân sách và danh mục thu hút đầu tư cấp tỉnh theo thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện dự án	CG1, CG2, CG3, CG4	53
15	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về huy động vốn đầu tư	CG2, CG3, CG4	60
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG2, CG3, CG4	60
c	Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ	CG2, CG3, CG4	60
d	Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển	CG2, CG3, CG4	60

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
đ	Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn	CG2, CG3, CG4	60
e	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3,	60
16	**Xây dựng hệ thống bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG2, CG3, CG4	72
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh	CG2, CG3, CG4	72
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Các bản đồ về hiện trạng phát triển	CG2, CG3, CG4	145
b.2	Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng	CG2, CG3, CG4	145
b.3	Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	CG3, CG4	172
b.4	Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	CG1, CG2, CG3, CG4	172
b.5	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	CG1, CG2, CG3, CG4	172
b.6	Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	CG1, CG2, CG3, CG4	172
b.7	Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất	CG1, CG2, CG3, CG4	172
b.8	Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	CG1, CG2, CG3, CG4	172

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.9	Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	CG1, CG2, CG3, CG4	172
b.10	Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	CG1, CG2, CG3, CG4	172
b.11	Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện	CG1, CG2, CG3, CG4	85
b.12	Bản đồ chuyên đề (nếu có)	CG1, CG2, CG3, CG4	55
17	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2, CG3, CG4	550
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2, CG3, CG4	125
18	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch tỉnh**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	100
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	100
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	60
19	**Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	120
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	230

Phụ lục IX

ĐỊNH MỨC ĐỐI VỚI HỢP PHẦN QUY HOẠCH CHUẨN

(Kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

IX-1. HỢP PHẦN QUY HOẠCH NGÀNH CHUẨN

STT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP HỢP PHẦN NGÀNH**		
1	Thu thập thông tin, dữ liệu ban đầu xây dựng nhiệm vụ lập hợp phần theo nhiệm vụ quy hoạch	CG2, CG3, CG4	10
2	Lập đề cương nhiệm vụ hợp phần theo yêu cầu nhiệm vụ quy hoạch	CG2, CG3, CG4	15
3	Xây dựng dự toán chi tiết cho lập hợp phần	CG3, CG4	10
4	Xây dựng kế hoạch triển khai hợp phần thống nhất với kế hoạch lập quy hoạch	CG3, CG4	5
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP HỢP PHẦN NGÀNH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu và khảo sát bổ sung về hiện trạng hợp phần ngành**		
a	Thu thập và xử lý sơ bộ thông tin, dữ liệu của các quy hoạch có liên quan	CG3, CG4	12
b	Thu thập thông tin bổ sung	CG3, CG4	12
c	Khảo sát, bổ sung thông tin	CG3, CG4	12
d	Xử lý, tổng hợp thông tin	CG2, CG3, CG4	8
2	**Thu thập thông tin dữ liệu, khảo sát bổ sung về các điều kiện, yếu tố tác động đến ngành**		
a	Thu thập và xử lý sơ bộ thông tin, dữ liệu	CG3, CG4	8
b	Thu thập số liệu, tài liệu bổ sung các yếu tố tự nhiên, môi trường	CG3, CG4	8
c	Thu thập số liệu, tài liệu bổ sung về các yếu tố kinh tế, xã hội	CG3, CG4	8

STT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
3	**Đề xuất ý tưởng phát triển ngành trong thời kỳ quy hoạch thống nhất với yêu cầu nội dung quy hoạch**		
a	Xây dựng khung triển khai cụ thể hóa các yêu cầu của quy hoạch	CG3, CG4	8
b	Đề xuất ý tưởng phát triển ngành trong thời kỳ quy hoạch	CG2, CG3, CG4	22
4	**Phân tích, đánh giá hiện trạng ngành**		
a	Phân tích bước đầu về hiện trạng ngành	CG3, CG4	17
b	Thống nhất giữa đánh giá hiện trạng lãnh thổ nghiên cứu với đánh giá hiện trạng quy hoạch	CG3, CG4	17
c	Hoàn thiện nội dung đánh giá hiện trạng	CG2, CG3, CG4	17
5	**Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố bên ngoài tác động đến ngành**		
a	Phân tích, đánh giá bước đầu các yếu tố bên ngoài tác động đến ngành	CG3, CG4	12
b	Thống nhất nội dung phân tích các yếu tố bên ngoài tác động đến ngành với nội dung của quy hoạch	CG2, CG3, CG4	8
6	**Dự báo, định hướng phát triển ngành trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Dự báo, định hướng phát triển ngành	CG3, CG4	50
b	Thống nhất nội dung dự báo, định hướng phát triển ngành với nội dung của quy hoạch	CG3, CG4	50
c	Hoàn thiện nội dung dự báo, định hướng phát triển ngành	CG2, CG3, CG4	44
7	**Định vị, khoanh vùng các đối tượng quy hoạch thuộc ngành**		
a	Xác định các đối tượng quy hoạch ngành trong không gian	CG3, CG4	17

STT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Định vị các đối tượng quy hoạch ngành trong không gian	CG3, CG4	41
c	Thống nhất, khoanh vùng đối tượng quy hoạch ngành, liên ngành trong không gian phù hợp với nội dung của quy hoạch	CG2, CG3, CG4	44
8	**Hoàn thiện nội dung hợp phần ngành**		
a	Tổng hợp nội dung hiện trạng, dự báo, định hướng ngành	CG2, CG3, CG4	44
b	Xây dựng giải pháp, đề xuất tổ chức thực hiện triển khai và dự kiến nguồn lực	CG2, CG3, CG4	28
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp hợp phần ngành		
c.1	Thuyết minh quy mô, tính chất, định hướng phát triển và bố trí không gian của đối tượng quy hoạch ngành trong không gian	CG3, CG4	25
c.2	Xây dựng bản đồ thể hiện các đối tượng quy hoạch ngành trong không gian	CG3, CG4	33
d	Hoàn thiện báo cáo đề xuất nội dung tích hợp, bản đồ	CG2, CG3, CG4	28

IX-2. HỢP PHẦN QUY HOẠCH LÃNH THỔ CHUẨN

STT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP HỢP PHẦN LÃNH THỔ**		
1	Thu thập thông tin, dữ liệu ban đầu xây dựng nhiệm vụ lập hợp phần theo nhiệm vụ quy hoạch	CG2, CG3, CG4	10
2	Lập nhiệm vụ hợp phần theo yêu cầu nhiệm vụ quy hoạch	CG2, CG3, CG4	20
3	Xây dựng dự toán chi tiết cho hợp phần	CG3, CG4	5
4	Xây dựng kế hoạch triển khai hợp phần thống nhất với kế hoạch lập quy hoạch	CG3, CG4	10

STT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP HỢP PHẦN LÃNH THỔ**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu và khảo sát bổ sung về hiện trạng hợp phần lãnh thổ**		
a	Thu thập và xử lý sơ bộ thông tin, dữ liệu của các quy hoạch có liên quan	CG3, CG4	17
b	Thu thập thông tin bổ sung	CG3, CG4	17
c	Khảo sát, bổ sung thông tin	CG3, CG4	20
d	Xử lý, tổng hợp thông tin	CG2, CG3, CG4	11
2	**Thu thập thông tin dữ liệu, khảo sát bổ sung về các điều kiện, yếu tố tác động đến lãnh thổ**		
a	Thu thập và xử lý sơ bộ thông tin, dữ liệu	CG3, CG4	11
b	Thu thập số liệu, tài liệu bổ sung các yếu tố tự nhiên, môi trường	CG3, CG4	11
c	Thu thập số liệu, tài liệu bổ sung về các yếu tố kinh tế, xã hội	CG3, CG4	11
3	**Đề xuất ý tưởng phát triển của lãnh thổ nghiên cứu trong thời kỳ quy hoạch thống nhất với yêu cầu nội dung quy hoạch**		
a	Xây dựng khung triển khai cụ thể hóa các yêu cầu của quy hoạch	CG3, CG4	11
b	Đề xuất ý tưởng phát triển của lãnh thổ nghiên cứu trong thời kỳ quy hoạch	CG2, CG3, CG4	29
4	**Phân tích, đánh giá hiện trạng lãnh thổ**		
a	Phân tích bước đầu về hiện trạng lãnh thổ	CG3, CG4	20
b	Thống nhất giữa đánh giá hiện trạng lãnh thổ nghiên cứu với đánh giá hiện trạng quy hoạch	CG3, CG4	20
c	Hoàn thiện nội dung đánh giá hiện trạng	CG2, CG3, CG4	20
5	**Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố bên ngoài tác động đến lãnh thổ**		

STT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
a	Phân tích, đánh giá bước đầu các yếu tố bên ngoài tác động đến lãnh thổ nghiên cứu	CG3, CG4	15
b	Thống nhất nội dung phân tích các yếu tố bên ngoài tác động đến lãnh thổ với nội dung của quy hoạch	CG2, CG3, CG4	11
6	**Dự báo, định hướng phát triển lãnh thổ trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Dự báo, định hướng phát triển của lãnh thổ nghiên cứu	CG3, CG4	66
b	Thống nhất nội dung dự báo, định hướng phát triển lãnh thổ với nội dung của quy hoạch	CG3, CG4	66
c	Hoàn thiện nội dung dự báo, định hướng phát triển lãnh thổ	CG2, CG3, CG4	50
7	**Định vị, khoanh vùng các đối tượng quy hoạch thuộc lãnh thổ**		
a	Xác định các đối tượng quy hoạch trong lãnh thổ nghiên cứu	CG3, CG4	25
b	Định vị các đối tượng quy hoạch trong lãnh thổ nghiên cứu	CG3, CG4	60
c	Thống nhất, khoanh vùng đối tượng quy hoạch trong lãnh thổ nghiên cứu phù hợp với nội dung của quy hoạch	CG2, CG3, CG4	65
8	**Hoàn thiện nội dung hợp phần lãnh thổ**		
a	Tổng hợp nội dung hiện trạng, dự báo, định hướng lãnh thổ nghiên cứu	CG2, CG3, CG4	50
b	Xây dựng giải pháp, đề xuất tổ chức thực hiện triển khai và dự kiến nguồn lực	CG2, CG3, CG4	30
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp hợp phần lãnh thổ		
c.1	Thuyết minh quy mô, tính chất, định hướng phát triển và bố trí không gian của đối tượng quy hoạch trong lãnh thổ nghiên cứu	CG3, CG4	30
c.2	Xây dựng bản đồ thể hiện các đối tượng quy hoạch trong hợp phần lãnh thổ	CG3, CG4	35
d	Hoàn thiện báo cáo đề xuất nội dung tích hợp, bản đồ	CG2, CG3, CG4	30

Phụ lục X

ĐỊNH MỨC CHO XÂY DỰNG NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CHUẨN TRONG QUY HOẠCH NGÀNH QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH

(Kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
1	**Thu thập thông tin dữ liệu và khảo sát bổ sung về hiện trạng đối tượng nghiên cứu**		
a	Thu thập và xử lý sơ bộ thông tin, dữ liệu của các quy hoạch có liên quan	CG3, CG4	12
b	Thu thập thông tin bổ sung	CG3, CG4	12
c	Khảo sát, bổ sung thông tin	CG3, CG4	15
d	Xử lý, tổng hợp thông tin	CG2, CG3, CG4	10
2	**Thu thập thông tin dữ liệu, khảo sát bổ sung về các điều kiện, yếu tố tác động đến đối tượng nghiên cứu**		
a	Thu thập và xử lý sơ bộ thông tin, dữ liệu	CG3, CG4	10
b	Thu thập số liệu, tài liệu bổ sung các yếu tố tự nhiên, môi trường	CG3, CG4	10
c	Thu thập số liệu, tài liệu bổ sung về các yếu tố kinh tế, xã hội	CG3, CG4	10
3	**Đề xuất ý tưởng phát triển của đối tượng nghiên cứu trong thời kỳ quy hoạch thống nhất với yêu cầu nội dung quy hoạch**		
a.	Xây dựng khung triển khai cụ thể hóa các yêu cầu của quy hoạch	CG3, CG4	5
b	Đề xuất ý tưởng phát triển của đối tượng nghiên cứu trong thời kỳ quy hoạch	CG2, CG3, CG4	25
4	**Phân tích, đánh giá hiện trạng đối tượng nghiên cứu**		
a	Phân tích hiện trạng bước đầu	CG3, CG4	15

STT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Thống nhất giữa đánh giá hiện trạng đối tượng nghiên cứu với đánh giá hiện trạng quy hoạch	CG3, CG4	15
c	Hoàn thiện nội dung đánh giá hiện trạng	CG2, CG3, CG4	15
5	**Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố bên ngoài tác động đến đối tượng nghiên cứu**		
a	Phân tích, đánh giá bước đầu các yếu tố bên ngoài tác động đến đối tượng nghiên cứu	CG3, CG4	15
b	Thống nhất giữa phân tích, đánh giá các yếu tố tác động bên ngoài với nội dung quy hoạch	CG2, CG3, CG4	10
6	**Dự báo, định hướng phát triển của đối tượng nghiên cứu trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Dự báo, định hướng phát triển của đối tượng nghiên cứu	CG3, CG4	40
b	Thống nhất nội dung dự báo, định hướng phát triển với nội dung của quy hoạch	CG3, CG4	40
c	Hoàn thiện nội dung dự báo, định hướng phát triển	CG2, CG3, CG4	35
7	**Định vị, khoanh vùng các đối tượng quy hoạch thuộc nội dung đề xuất**		
a	Xác định các đối tượng quy hoạch trong nội dung đề xuất	CG3, CG4	25
b	Định vị các đối tượng quy hoạch trong nội dung đề xuất	CG3, CG4	30
c	Thống nhất, khoanh vùng đối tượng quy hoạch trong nội dung đề xuất với nội dung của quy hoạch	CG2, CG3, CG4	35
8	**Hoàn thiện nội dung đề xuất**		
a	Tổng hợp nội dung hiện trạng, dự báo, định hướng phát triển đối với nội dung đề xuất	CG2, CG3, CG4	35
b	Xây dựng giải pháp, đề xuất tổ chức thực hiện triển khai và dự kiến nguồn lực	CG2, CG3, CG4	30

STT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp về nội dung đề xuất		
c.1	Thuyết minh quy mô, tính chất, định hướng phát triển và bố trí không gian của đối tượng quy hoạch trong nội dung đề xuất	CG3, CG4	20
c.2	Xây dựng bản đồ thể hiện các đối tượng quy hoạch (nếu có)	CG3, CG4	25
d	Hoàn thiện báo cáo đề xuất nội dung tích hợp, bản đồ	CG2, CG3, CG4	20

Phụ lục XI

ĐỊNH MỨC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH NỘI DUNG QUY HOẠCH

(Kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
1	**QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUỐC GIA**		
a	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt	CG1, CG2, CG3, CG4	10
b	Đánh giá, thẩm định việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 16 của Luật Quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	10
c	Đánh giá, thẩm định việc tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện	CG1, CG2, CG3, CG4	20
d	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Điều 20 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP		
d.1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên	CG1, CG2, CG3, CG4	15
d.2	Hiện trạng dân cư và phát triển kinh tế, phát triển các ngành xã hội, an ninh, quốc phòng	CG1, CG2, CG3, CG4	28
d.3	Hiện trạng hệ thống đô thị - nông thôn, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường và sử dụng không gian biển	CG1, CG2, CG3, CG4	18
d.4	Mục tiêu về phát triển quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	20
d.5	Dự báo xu thế phát triển và các tác động đến phát triển quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	20
d.6	Xây dựng và lựa chọn kịch bản phát triển quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	30
d.7	Định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội	CG1, CG2, CG3, CG4	26

STT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
d.8	Định hướng phát triển không gian biển, sử dụng đất quốc gia, khai thác và sử dụng vùng trời	CG1, CG2, CG3, CG4	30
d.9	Định hướng phân vùng và liên kết vùng	CG1, CG2, CG3, CG4	22
d.10	Định hướng phát triển đô thị và nông thôn quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	20
d.11	Định hướng phát triển các ngành hạ tầng xã hội quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	20
d.12	Định hướng phát triển các ngành hạ tầng kỹ thuật quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	30
d.13	Định hướng sử dụng tài nguyên quốc gia và bảo vệ môi trường	CG1, CG2, CG3, CG4	20
d.14	Định hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1, CG2, CG3, CG4	18
d.15	Danh mục dự án quan trọng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện	CG1, CG2, CG3, CG4	24
d.16	Giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	28
2	**QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN QUỐC GIA**		
a	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt	CG1, CG2, CG3, CG4	8
b	Đánh giá, thẩm định việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 16 của Luật Quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	8
c	Đánh giá, thẩm định việc tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện	CG1, CG2, CG3, CG4	14
d	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Điều 21 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP		
d.1	Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động đến không gian biển	CG1, CG2, CG3, CG4	20

STT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
d.2	Thực trạng sử dụng không gian biển	CG1, CG2, CG3, CG4	30
d.3	Thực trạng các vùng cấm khai thác, các vùng khai thác có điều kiện, khu vực khuyến khích phát triển, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái	CG1, CG2, CG3, CG4	26
d.4	Đánh giá dự báo các tác động của biến đổi khí hậu đối với tài nguyên và môi trường trên vùng đất ven biển, vùng biển, vùng trời của Việt Nam	CG1, CG2, CG3, CG4	26
d.5	Đánh giá dự báo xu thế biến động tài nguyên và môi trường trên các vùng đất ven biển, vùng trời, vùng biển và hải đảo của Việt Nam	CG1, CG2, CG3, CG4	30
d.6	Phân tích, đánh giá dự báo nhu cầu sử dụng không gian biển của các hoạt động trên các vùng đất ven biển, vùng trời, vùng biển biển và hải đảo của Việt Nam	CG1, CG2, CG3, CG4	26
d.7	Dự báo bối cảnh và các kịch bản phát triển	CG1, CG2, CG3, CG4	18
d.8	Định hướng bố trí sử dụng không gian biển	CG1, CG2, CG3, CG4	30
d.9	Phân vùng sử dụng vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời	CG1, CG2, CG3, CG4	20
d.10	Danh mục dự án quan trọng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện	CG1, CG2, CG3, CG4	10
d.11	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	20
3	**QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC GIA**		
a	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt	CG1, CG2, CG3, CG4	8
b	Đánh giá, thẩm định việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 16 của Luật Quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	8

STT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Đánh giá, thẩm định việc tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện	CG1, CG2, CG3, CG4	14
d	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP		
d.1	Thực trạng sử dụng đất quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	28
d.2	Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất	CG1, CG2, CG3, CG4	8
d.3	Định hướng sử dụng đất, phương án sử dụng đất, xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	30
d.4	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	20
d.5	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	6
4	**QUY HOẠCH NGÀNH QUỐC GIA**		
a	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt	CG1, CG2, CG3, CG4	6
b	Đánh giá, thẩm định việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 16 của Luật Quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	6
c	Đánh giá, thẩm định việc tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện	CG1, CG2, CG3, CG4	10
d	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Điều 23, 24, 25, 26 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP		
d.1	Thực trạng phát triển ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	14
d.2	Dự báo xu thế phát triển, đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng	CG1, CG2, CG3, CG4	10

STT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
d.3	Phương án phát triển ngành kết cấu hạ tầng trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ, định hướng phân bố không gian phát triển ngành; xác định loại hình, vai trò, vị trí, quy mô, định hướng khai thác, sử dụng và các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, công nghệ của ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	20
d.4	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	6
d.5	Danh mục dự án quan trọng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện	CG1, CG2, CG3, CG4	4
d.6	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	10
5	**QUY HOẠCH VÙNG**		
a	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt	CG1, CG2, CG3, CG4	6
b	Đánh giá, thẩm định việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 16 của Luật Quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	6
c	Đánh giá, thẩm định việc tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện	CG1, CG2, CG3, CG4	14
d	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Điều 27 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP		
d.1	Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên; hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội; tài nguyên thiên nhiên, môi trường; hệ thống đô thị, nông thôn; kết cấu hạ tầng vùng	CG1, CG2, CG3, CG4	30
d.2	Hiện trạng liên kết nội vùng, liên kết vùng với khu vực và quốc tế; các nguồn lực của vùng, các tiềm năng; các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng	CG1, CG2, CG3, CG4	20
d.3	Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển	CG1, CG2, CG3, CG4	12

STT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
d.4	Phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng, phương án phát triển, sắp xếp, lựa chọn và phân bố nguồn lực phát triển trên lãnh thổ vùng	CG1, CG2, CG3, CG4	10
d.5	Phương hướng xây dựng gồm xác định: hệ thống đô thị, nông thôn; khu kinh tế; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích; vùng sản xuất tập trung	CG1, CG2, CG3, CG4	6
d.6	Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng	CG1, CG2, CG3, CG4	12
d.7	Phương hướng bảo vệ môi trường, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng	CG1, CG2, CG3, CG4	6
d.8	Danh mục dự án ưu tiên của vùng và thứ tự ưu tiên thực hiện	CG1, CG2, CG3, CG4	10
d.9	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	6
6	**QUY HOẠCH TỈNH**		
a	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt	CG1, CG2, CG3, CG4	8
b	Đánh giá, thẩm định việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 16 của Luật Quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	8
c	Đánh giá, thẩm định việc tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện	CG1, CG2, CG3, CG4	13
d	Đánh giá, thẩm định sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP		
d.1	Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh	CG1, CG2, CG3, CG4	20

STT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
d.2	Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn	CG1, CG2, CG3, CG4	30
d.3	Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về kinh tế, xã hội, môi trường của tỉnh	CG1, CG2, CG3, CG4	15
d.4	Phương hướng phát triển ngành quan trọng trên địa bàn; lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội	CG1, CG2, CG3, CG4	13
d.5	Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, mạng lưới giao thông, mạng lưới cấp điện, mạng lưới viễn thông, mạng lưới thủy lợi, các khu xử lý chất thải, kết cấu hạ tầng xã hội	CG1, CG2, CG3, CG4	18
d.6	Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	CG1, CG2, CG3, CG4	25
d.7	Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn	CG1, CG2, CG3, CG4	30
d.8	Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện	CG1, CG2, CG3, CG4	5
d.9	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	10

Phụ lục XII

HỆ SỐ ĐỊA BÀN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI QUY HOẠCH VÙNG, QUY HOẠCH TỈNH (HỆ SỐ K_1)

(Kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Xác định hệ số địa bàn K_1 như sau:

1. Đối với địa bàn vùng

K_1 = 1,5 đối với địa bàn vùng có thành phố là đô thị đặc biệt;

K_1 = 1,0 đối với địa bàn các vùng còn lại.

2. Đối với địa bàn tỉnh

K_1 = 1,5 đối với địa bàn thành phố là đô thị đặc biệt (Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh);

K_1 = 1,2 đối với địa bàn là thành phố trực thuộc Trung ương;

K_1 = 1,05 đối với địa bàn là tỉnh có đô thị loại I trực thuộc tỉnh;

K_1 = 1,0 đối với địa bàn là các tỉnh còn lại.

Phụ lục XIII

HỆ SỐ CẤP ĐỘ LÃNH THỔ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI HỢP PHẦN QUY HOẠCH (HỆ SỐ K_2)

(Kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Xác định hệ số K_2 - hệ số cấp độ lãnh thổ áp dụng đối với hợp phần như sau:

K_2 = 1,0 đối với quy hoạch vùng;

K_2 = 1,2 đối với địa bàn vùng có Thành phố trực thuộc Trung ương;

K_2 = 1,5 đối với địa bàn vùng có Thành phố là đô thị đặc biệt;

K_2 = 2,5 đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia.

Phụ lục XIV
HỆ SỐ KHÁC BIỆT
ĐỐI VỚI NỘI DUNG ĐỀ XUẤT TRONG
QUY HOẠCH NGÀNH QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH
(HỆ SỐ K_3)

(Kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Xác định hệ số K3 - hệ số khác biệt đối với nội dung đề xuất áp dụng trong quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh như sau:

1.Đối với các nội dung đề xuất chia theo ngành/phân ngành:

K_3 = 1,0 đối với ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ);

K_3 = 0,7 đối với ngành xã hội (dân số, lao động, việc làm, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, khoa học và công nghệ);

K_3 = 0,8 đối với ngành môi trường, riêng đối với sử dụng đất K_3 = 2,0;

K_3 = 1,25 đối với ngành an ninh, quốc phòng;

K_3 = 1,5 đối với ngành kết cấu hạ tầng kỹ thuật (hệ thống giao thông, đô thị, cấp điện, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, thông tin truyền thông, xử lý chất thải).

2. Đối với nội dung đề xuất cấp huyện:

K_3 = 1,25 đối với quận, huyện;

K_3 = 1,5 đối với huyện giáp ranh thành phố trực thuộc tỉnh, huyện giáp ranh quận nội thành (đối với thành phố trực thuộc Trung ương), địa bàn huyện có khu kinh tế, huyện biên giới, huyện hải đảo;

K_3 = 1,75 đối với thị xã;

K_3 = 2,0 đối với các thành phố trực thuộc tỉnh.

3. Đối với địa bàn vùng liên huyện, hành lang kinh tế, không gian biển thuộc tỉnh: K_3 = 2,0

4. Các nội dung kỹ thuật chuyên ngành khác không thuộc các trường hợp trên: K_3 = 0,5

Trong trường hợp các nội dung đề xuất thuộc nhiều trường hợp trên thì được áp dụng hệ số K_3 theo mức cao nhất.